

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2024

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

**Các hội thẩm nhân dân:** Bà Bùi Thị Vân; ông Lê Công Nhận

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 - 6 - 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 - 8 - 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST -HNGĐ ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Th, sinh năm 1995, (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Cư trú tại: Xóm 3, thôn Tiên Tảo, xã Thanh An, huyện TH, tỉnh HD.

**- Bị đơn:** anh Cao Văn T, sinh năm 1994, (vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn Xuân An, xã Thanh Khê, huyện TH, tỉnh HD

**- Người làm chứng:**

- Bà Ngô Thị T, sinh năm 1964; Cư trú tại thôn Xuân An, xã Thanh Khê, huyện TH, tỉnh HD. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:*

Chị và anh Cao Văn T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Khê ngày 22/3/2019. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, chị cảm nhận đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được lâm vào tình trạng trầm trọng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không thể hòa giải được. Tháng 01/2024 chị đã có đơn xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện TH đã thụ lý giải quyết nhưng sau đó chị đã rút đơn

để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, thực tế chị vẫn đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xã Thanh An. Anh T không quan tâm trách nhiệm với mẹ con chị. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Diệp A, sinh ngày 11/7/2019, chị đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Th tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 02/8/2024, bị đơn anh Cao Văn T trình bày:** Anh và chị Th tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Khê ngày 22/3/2019, quá trình chung sống do anh mãi chơi dẫn đến nợ nần, tháng 8 năm 2023 chị Thoa đã có đơn xin ly hôn sau đó đã rút đơn về đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Cao Diệp A, sinh ngày 11/7/2019, nếu chị Th kiên quyết ly hôn anh nhất trí để chị Th nuôi con, anh có trách nhiệm cấp dưỡng theo quy định của Pháp luật.

*Xác minh với bà Ngô Thị T (mẹ đẻ anh T):* Anh chị Th Tg tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Khê. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng gia đình bà đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp, tháng 6/2023 chị Thoa bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, đầu năm 2024 chị Th làm đơn xin ly hôn sau đó rút đơn nhưng chị Th vẫn sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Anh Chị Th, T có 01 con chung là Cao Diệp A, sinh ngày 11/7/2019 hiện đang ở cùng chị Th, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

*Trưởng thôn cung cấp như sau:* Anh chị Th T kết hôn năm 2019. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị Th đã về nhà đẻ ở từ tháng 6/2023 đến nay. Quan điểm cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Lê Thị Th ly hôn anh Cao Văn T. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Th tiếp tục nuôi con Cao Diệp A, sinh ngày 11/7/2019 kể từ tháng 9/2024 đến khi con thành niên 18 tuổi. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, người làm chứng đều đã được giao trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn và người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: anh chị Lê Thị Th và anh Cao Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Khê, huyện TH, tỉnh HD ngày 22/3/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 01/2024 chị Th có đơn xin ly hôn sau đó đã rút đơn nhưng vợ chồng không về đoàn tụ, chị Th tiếp tục xin ly hôn, anh T không đồng ý nhưng không có mặt khi Tòa án hòa giải. Mặt khác anh T không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th và Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện TH. Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Cao Văn T.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là là Cao Diệp A, sinh ngày 11/7/2019. Chị Th xin nuôi con, anh T nhất trí, cần tiếp tục giao con cho chị Th nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2024 đến khi con thành niên 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con của chị Th.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Th, anh T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Th có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Cao Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung là là Cao Diệp A, sinh ngày 11/7/2019, kể từ tháng 9/2024 đến khi con thành niên 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con của chị Th. Anh Cao Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23, số 0001168 ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh HD.*(chị TH đã thi hành xong án phí)*

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã TK
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**

